

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PǺH  
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 32/2018/HS-ST  
Ngày: 25/12/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH - GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa.

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết  
2. Ông Trịnh Văn Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh - Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/HSST, ngày 18 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/HSST- QĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

**Trần Văn C**, sinh năm 1982, tại: Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn 3, xã ĐR, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1955 và bà Chu Thị B, sinh năm 1957, bị cáo có vợ: Bùi Thị Thu H, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án; Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/5/2006, bị Toà án nhân dân huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2006/HSST ngày 23/5/2006. Ngày 09/3/2007, bị Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt tại Bản án số 15/2006/HSST ngày 23/5/2006 của Toà án nhân dân huyện ĐĐ buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2007/HSST ngày 09/3/2007. Ngày 09/7/2008 đã chấp hành xong hình phạt của hai bản án trên (đã xoá án tích). Ngày 27/8/2014, bị Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2014/HSST ngày 27/8/2014 (Đã xoá án tích); Bị tạm giam từ ngày 28/6/2018 đến nay. Có mặt

*\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: số 17/12/58 đường L, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2. Ông Phạm Xuân Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: Làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
3. Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
4. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
5. Ông Trần Xuân D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
6. Ông Lại Văn Nh, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
7. Ông Đặng Xuân L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
8. Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
9. Ông Đặng Xuân Tr, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
10. Ông Đặng Xuân Ph, sinh 1991. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
11. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ 4, Phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt
12. Ông Đinh Bình Quốc T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt
13. Ông Siu Th, sinh năm 1997. Địa chỉ: Làng B, xã IB, huyện IP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
14. Ông Trần Thế V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
15. Ông Hồ Văn Ch, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thị trấn K, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
16. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 73 đường M, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt
17. Ông Tr, sinh năm 1996. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
18. Ông Ng, sinh năm 1999. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
19. Ông M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

20. Ông N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

21. Ông L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

22. Ông Trần Minh H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn IK, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

23. Ông Phạm Trọng Th, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

24. Ông Đào Văn L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 646 đường L, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

25. Ông Puih B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

26. Ông Trần Văn L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn P, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt

27. Ông Lê Đức Nh, sinh năm 1984. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

28. Ông Nguyễn Trường L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt

29. Ông Trần Anh H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

30. Ông Th, sinh năm 1980. Địa chỉ: Làng K, xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

31. Ông Nguyễn Bình Ng, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

32. Ông Hà Trọng Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

33. Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

34. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

35. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991. Địa chỉ: số 17/12/58 đường L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

*\*Người làm chứng:*

1. Ông Mai Văn Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2. Kl, sinh năm 2001. Địa chỉ: Làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo pháp luật của Kl: Ông V, sinh năm 1980. Địa chỉ: Làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1995. Địa chỉ: Làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

5. Ông T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

6. Ông S, sinh năm 1998. Địa chỉ: Làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

*\*Người phiên dịch tiếng banar:* ông Sơn – Cán bộ Phòng văn hóa thông tin huyện Chư Păh. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 4/2018, do quen biết trước đó, Phạm Xuân Th có đặt vấn đề với Đặng Xuân L về việc L đi khai thác gỗ để bán cho Th, L đồng ý. Sau đó, L rủ Đặng Thanh T, Đặng Xuân Tr và Đặng Xuân Ph cùng đi khai thác gỗ, tất cả đồng ý. Đến ngày 06/4/2018, L, Tr, Ph và T cùng nhau đi lên khu vực lô 9, khoảnh 8, tiểu khu 185 thuộc lâm phần do Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai quản lý để khai thác gỗ. Sáng ngày 09/4/2018, sau khi đã cưa được 03 cây gỗ và xẻ thành hộp, L điện thoại cho Th để Th cho người vào vận chuyển về. Th gọi điện thoại cho Hoàng Văn Đ thuê Đ vận chuyển gỗ, Đ đồng ý. Sau đó, Đ gọi điện thoại rủ Trần Xuân D và Lại Văn Nh cùng đi, D và Nh đồng ý. Khoảng 17h00' cùng ngày, Đ điều khiển xe độ chế của gia đình chở Nh và D đi đến nhà của Phạm Xuân Th rồi cùng với Th đi đến khu vực rừng mà L, Tr, Ph và T khai thác gỗ nêu trên để vận chuyển gỗ về tập kết tại khu vực lô cao su thuộc xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Sau khi vận chuyển gỗ xong, Th nói Đ điều khiển xe độ chế chở Nh và D về lại lán trại của Th ở khu vực khoảnh 1 tiểu khu 191 thuộc lâm phần do Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CP quản lý ngủ qua đêm tại đây. Khoảng 06h00' ngày 10/4/2018, trong lúc Đ, Nh và D đang ngủ tại lán trại thì thấy có một nhóm người (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển 02 chiếc xe công nông, trên xe có chở theo một số vật dụng gồm cưa xăng, lam cưa, can đựng xăng dầu, vông và các nhu yếu phẩm khác đến nghỉ tại đây. Khoảng 09h00' cùng ngày, đoàn kiểm tra liên ngành với nhiệm vụ tuần tra truy quét các đối tượng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép gồm lực lượng Công an huyện CP, Hạt kiểm lâm huyện CP, Ban quản lý rừng phòng hộ Đông Bắc CP, Ủy ban nhân dân xã HT phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện ĐĐ đi đến khu vực lán trại nêu trên thì phát hiện thấy lán trại, người và các công cụ, phương tiện đang để tại đây nên đã tiến hành kiểm tra. Lúc này, các đối tượng đi trên 02 xe công nông độ chế trước đó đã bỏ chạy, còn lại Đ, Nh và D đang

nấu ăn tại khu vực gần đó. Xác định thấy các công cụ, phương tiện nêu trên có liên quan đến việc khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép nên đoàn kiểm tra liên ngành đã tiến hành lập biên bản tạm giữ các phương tiện đồ vật trên đồng thời còng giữ Đ, Nh và D để tiến hành kiểm tra xác minh. Sau đó, đoàn kiểm tra liên ngành chia làm hai tổ, một tổ tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra các tiểu khu khác, tổ còn lại có 14 người gồm cán bộ Công an huyện CP, cán bộ Hạt kiểm lâm huyện CP và ĐĐ, lực lượng công an viên và dân quân tự vệ xã HT ở lại bảo vệ trông coi người và các công cụ, phương tiện đã tạm giữ. Trong lúc Đ, Nh và D đang bị còng giữ thì Phạm Xuân Th có gọi điện thoại cho Đ và biết được việc Đ, Nh, D đang bị đoàn kiểm tra liên ngành còng giữ. Đến khoảng 10h00' cùng ngày, Huỳnh Hải Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81A-105.34 chở Trần Văn C đi đến làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ chơi. Khi đi đến khu vực ngã ba làng Đ, Đ và C gặp Th. Tại đây, Th nói cho C biết sự việc trên rồi điều khiển xe mô tô loại xe Win đi đến khu vực lán trại. Thấy vậy, C nói Đ điều khiển xe đi theo. Đến khoảng 11h00' cùng ngày, khi đến nơi, cho rằng tổ kiểm tra liên ngành bắt giữ người trái pháp luật nên C đã có lời nói chửi bới, xúc phạm, đe dọa đồng thời yêu cầu đoàn kiểm tra liên ngành thả Đ, Nh, D ra còn Đ dùng điện thoại di động quay phim. Lúc này, anh Đinh Bình Quốc T là cán bộ Công an huyện CP thay mặt đoàn kiểm tra liên ngành đã giải thích cho C về việc lực lượng chức năng đang thực thi công vụ nhưng C vẫn to tiếng chửi bới, đe dọa và yêu cầu thả người. Khoảng 05 phút sau, trong lúc C đang chửi bới đe dọa yêu cầu lực lượng chức năng thả người thì có 01 xe ô tô màu đen không rõ biển kiểm soát và nhiều người (không rõ nhân thân lai lịch) đi xe mô tô và đi bộ mang theo dao, gậy đến. Lúc này, C tiếp tục có hành vi dùng tay nắm áo của anh T, xô đẩy vào người anh T rồi có lời nói thách thức, đe dọa dùng súng bắn và giữ hai tay cán bộ T để cho người còng, trói lại nhưng anh T đã vùng thoát ra. Sau đó, C cầm tay anh T dẫn đến vị trí Đ đang bị còng giữ và yêu cầu anh T phải mở còng cho Đ. Trước hành vi của C, anh T đã phải mở khoá còng cho Hoàng Văn Đ. Còn Trần Xuân D, Lại Văn Nh lợi dụng lúc xảy ra sự việc đã mang còng bỏ chạy ra. Cùng lúc này, các đối tượng khác tiếp tục xông đến lấy các công cụ, phương tiện đang để tại hiện trường mà tổ kiểm tra liên ngành đã tạm giữ đồng thời lấy đi biên bản mà tổ kiểm tra liên ngành đã lập và đang để trên nắp ca pô xe ô tô của đoàn kiểm tra liên ngành rồi đi về hướng xã Đ, huyện ĐĐ. Còn C và Đ cũng đi về. Trong lúc C thực hiện hành vi nói trên thì có Nguyễn Quốc Đ và K1 đến khu vực hiện trường và chứng kiến sự việc trên.

Sau khi đi ra khỏi khu vực hiện trường, D và Nh gặp Th và được Th dùng chìa khoá để mở còng, còn Đ đi đến khu vực lô cao su gần đó thì thấy có một người (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe độ chế của Đ đi ra nên có nói cho người này biết đây là xe của Đ thì người này để xe lại cho Đ. Đ điều khiển xe đi thì gặp Nh và D rồi cả ba cùng đi về làng Đ, xã Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Sau đó Đ, Nh và D có gặp C thì C đã nói Đ thay đổi kết cấu chiếc xe độ chế nêu trên đồng thời khai báo không đúng sự thật khi tiến hành làm việc với cơ quan chức năng.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 18/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, vì bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Trần Văn C từ 18 đến 24 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Hoàng Văn Đ giao nộp 01 xe độ chế đã qua sử dụng, khung sườn xe đã cũ, kích thước xe rộng 2,3 mét, cao 3,6 mét, dài 5,6 mét, xe có gắn tời chữ A, tại đầu xe có gắn cáp tời; Đặng Xuân L giao nộp 01 cửa lóc cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam không có lưỡi và 01 lam cửa bằng kim loại dài 59 cm, chỗ rộng nhất 7,3 cm chỗ hẹp nhất 05 cm, một đầu lam cửa có rãnh dài 8,5 cm, rộng 0,9 cm. Đây là các công cụ mà Đ và L đã sử dụng để thực hiện hành vi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép như đã nêu trên. Tuy nhiên, qua giám định kết luận 03 cây gỗ tại khu vực rừng sản xuất tự nhiên mà L, T, Tr và Ph đã khai thác là gỗ thông thường thuộc nhóm 4,6 có tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 3,321m<sup>3</sup> và khối lượng củi bị thiệt hại là 0,390 Ster. Mặt khác Th, L, T, Tr, Ph, Đ, Nh, D không thuộc trường hợp đã bị xử phạt hành chính về hành vi này và không thuộc trường hợp đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển các đồ vật tài liệu nêu trên cùng hồ sơ vụ việc có liên quan đến Hạt kiểm lâm huyện Chư Păh để xử phạt vi phạm hành chính.

Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Đinh Bình Quốc T và các thành viên khác của đoàn kiểm tra liên ngành không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với Phạm Xuân Th là người đã nói cho C biết việc đoàn kiểm tra liên ngành đang công giữ các đối tượng Đ, Nh, D. Tại hiện trường, khi C thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ thì Th cũng có mặt nhưng Th không có lời nói, hành động gì giúp sức cho C, đồng thời bản thân Th không có hành vi chống lại việc thi hành công vụ của đoàn kiểm tra liên ngành và khi D, Nh mang công bỏ chạy ra khỏi hiện trường gặp Th thì Th là người đã dùng chìa khoá mở công cho D và Nh. Sau khi sự việc xảy ra Th đã bỏ đi khỏi địa phương. Hiện chưa đủ căn cứ để chứng minh Th có hành vi tổ chức lôi kéo, kích động, xúi giục hoặc tham gia, giúp sức trong việc chống người thi hành công vụ hay không vì vậy Cơ quan điều tra đang tiếp tục tiến hành xác minh khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Huỳnh Hải Đ là người đã điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81A-105.34 chở C đi đến hiện trường nơi xảy ra sự việc và dùng điện thoại di động quay lại sự việc, khi chở C đi Đ không biết mục đích đi của C để làm gì, khi C có hành vi chống người thi hành công vụ Đ không có lời nói, hành động gì giúp sức cho C, đồng thời bản thân Đ không có hành vi chống lại việc thi hành công vụ của đoàn kiểm tra liên ngành nên Cơ quan điều tra không khởi tố xử lý đối với Đ là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Quốc Đ, khi đi ngang qua khu vực nêu trên và thấy sự việc nên vào xem. Khi C có hành vi chống người thi hành công vụ thì giữa Đ và C không có bàn bạc, thoả thuận gì và Đ cũng không có hành vi gì giúp sức cho C. Bản thân Đ cũng không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đối với các thành viên tổ kiểm tra

liên ngành. Hiện Đ đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với K1 là người có mặt tại hiện trường khi C thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ. Tuy nhiên, K1 chỉ là người đến xem sự việc không thực hiện hành vi gì. Do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm của K1.

Đối với các đối tượng đã lấy đi các công cụ phương tiện mà đoàn kiểm tra liên ngành đã tạm giữ và các biên bản làm việc mà đoàn kiểm tra liên ngành đã lập, hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục tiến hành điều tra xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với việc Phạm Xuân Th đã thuê các đối tượng Đặng Xuân L, Đặng Thanh T, Đặng Xuân Tr, Đặng Xuân Ph, Hoàng Văn Đ, Lại Văn Nh và Trần Xuân D khai thác, vận chuyển gỗ trái phép là có thật. Tuy nhiên khối lượng gỗ mà các đối tượng này khai thác, vận chuyển chưa đủ định lượng để xử lý hình sự, mặt khác các đối tượng này không thuộc trường hợp đã bị xử phạt hành chính về hành vi này và không thuộc trường hợp đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm vì vậy Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ vụ việc cùng với các tài liệu đồ vật có liên quan đã thu giữ trước đó đến Hạt kiểm lâm huyện Chư Păh để xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Quá trình điều tra truy tố bị cáo Trần Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Trần Văn C cho rằng bị cáo không biết lực lượng chức năng đang thi hành công vụ, bị cáo chỉ có hành vi khua tay với anh T, bị cáo không có hành vi nắm cổ áo anh T, không có lời nói đe dọa hay kêu người trói anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 10/4/2018, tại khu vực khoảnh 1 tiểu khu 191 thuộc lâm phần do Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CP, tỉnh Gia Lai quản lý, sau khi đoàn kiểm tra liên ngành với nhiệm vụ tuần tra truy quét các đối tượng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép đã phát hiện, lập biên bản, còng giữ các đối tượng vi phạm là Hoàng Văn Đ, Trần Xuân D, Lại Văn Nh và tạm giữ các công cụ, phương tiện có liên quan. Đến khoảng 11h00' cùng ngày, Trần Văn C sau khi nghe Th nói về việc một số người làm cho Th bị lực lượng chức năng bắt giữ. Bị cáo biết là lực lượng kiểm tra liên ngành đang làm nhiệm vụ, nhưng bị cáo vẫn cố ý có hành vi chửi bới, xúc phạm, dùng tay nắm cổ áo của anh Đinh Bình Quốc T là cán bộ Công an huyện CP đang làm nhiệm vụ, xô đẩy vào người anh T, rồi có lời nói thách thức, đe dọa và giữ hai tay anh T để cho người còng, trói lại, dẫn đến việc anh T phải mở còng cho Đ. Còn Nh, D đã lợi dụng sự việc để bỏ trốn và một số đối tượng khác đã lợi dụng sự việc để lấy đi các công cụ phương tiện đã bị thu giữ và các biên bản làm việc mà đoàn kiểm tra liên ngành đã lập trước đó. Do đó, có đủ cơ sở xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh truy tố bị cáo

Trần Văn C về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ làm giảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, của người thi hành nhiệm vụ được giao mà còn gây mất trật tự an toàn tại địa phương, bị cáo biết rõ các Cơ quan chức năng đang làm nhiệm vụ nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Chống người thi hành công vụ*” quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bản thân bị cáo đã gây ra để bị cáo cải tạo thành người dân có ích cho xã hội.

[3] Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Đinh Bình Quốc T và các thành viên khác của đoàn kiểm tra liên ngành không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh về việc tại phiên tòa bị cáo đã không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở, cần chấp nhận.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn C cho rằng bị cáo không biết lực lượng chức năng đang thi hành công vụ, bị cáo chỉ có hành vi khua tay với anh T, bị cáo không có hành vi nắm cổ áo anh T, không có lời nói đe dọa hay kêu người trói anh T. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố là bị cáo tự nguyện khai báo, khách quan, đúng sự thật, không bị bức cung, ép cung, mớm cung hay dùng nhục hình gì ép buộc, do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng thấy rằng lời khai của bị cáo tại phiên tòa là không có căn cứ.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Păh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Trần Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (28/6/2018).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Păh;
- Công an huyện Chư păh;
- THADS huyện Chư Păh;
- Bị cáo + Người TGTT;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hòa**